TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo.**

Bà **Đỗ Thị Thanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 312/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lã Thị H,** sinh năm 1994;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Nguyễn Kiều T, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ F, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự đều vắng mặt, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lã Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 27/01/2015. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên tháng

11/2020 chị xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tháng 01/2021 anh L cũng sang Nhật Bản lao động cùng chị. Thời gian đầu mới sang vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau, nhưng càng về sau do tính chất công việc đi làm xa nên vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng kết hôn với nhau đã gần 10 năm nhưng không có con chung, anh chị cũng đã chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, áp lực và không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân nhau, chị cũng không biết anh sống ở đâu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho chị Nguyễn Kiều T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh L. Bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ anh L) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh L vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết. Từ khi anh L biết chị H có đơn xin ly hôn, anh ít liên lạc về gia đình hơn, trường hợp anh L không liên lạc về nhà thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà H1 còn trình bày vợ chồng kết hôn đã lâu mà vẫn chưa có con, anh chị cũng đã chạy chữa nhiều nơi nhưng chưa có kết quả. Sau đó do điều kiện kinh tế anh chị cùng sang Nhật Bản làm việc tuy nhiên do công việc nên sống xa cách mỗi người một nơi, từ khi đi cho đến nay chị H có về phép một lần còn anh L chưa về nước lần nào. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh L không có ý kiến gì, gia đình cũng không mong muốn anh chị ly hôn, tuy nhiên chị Hoa cương q xin ly hôn mà anh L không chịu về nước và không liên lạc về thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh, chị không có con chung, không có tài sản chung.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H, anh L đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị H và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống được một thời gian thì anh chị cùng đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng chung sống nhiều năm nhưng chưa có con chung. Hiện tại anh chị vẫn chưa về nước. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Nguyễn Kiều T trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lã Thị H ly hôn anh Trần Văn L; về con chung, tài sản chung: Không có. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lã Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Trần Văn L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện anh, chị đang lao động, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Long cung c địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh L để gia đình thông báo cho anh L biết nhưng từ khi anh L biết chị H có đơn xin ly hôn anh L không liên lạc về cho gia đình. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H1 là mẹ đẻ anh L để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh L, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị H và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 27/01/2015 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H và anh L đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có thời gian dài sống xa cách, hơn nữa vợ chồng kết hôn đã lâu mà vẫn không có con chung khiến cho cuộc sống của anh chị căng thẳng, nhiều áp lực và không có hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh L đã biết chị H có đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh L.

[4] Về quan hệ con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lã Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị H, xử cho chị Lã Thị H ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về án phí: Chị Lã Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000780 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Vũ Văn T1 nộp thay), chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lã Thị H và anh Trần Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu